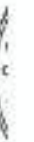


**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng
Nông nghiệp Quốc tế –
Trụ sở chính Đồng Nai**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2005
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số	472033000720	ngày 17 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	--------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000720 ngày 6 tháng 8 năm 2014. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Ngọc Trai	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Dương Thanh	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Yew Kean Lai	Phó Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014) Thành viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Thân Trung Tin	Phó Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Nguyễn Phúc Hào	Thành viên
	Ông Phan Hữu Giáo	Thành viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc	Ông Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Ernest Vijyakumar Richards	Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc Vận hành (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Ban Kiểm soát	Ông Lê Phạm Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Cheong Yew Hoong	Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Nguyễn Duy Phương	Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Trụ sở đăng ký	Lô A4, Đường số 2 Khu Công nghiệp Sông Mây Huyện Trảng Bom Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Chủ tịch Ban Giám đốc



Tỉnh Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 9266
Fax +84 (0) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), trụ sở chính của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến loại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 32 trong báo cáo tài chính. Trong năm 2014, một số sai sót kế toán đã được phát hiện trong báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ban Giám đốc đã quyết định sửa chữa các sai sót này bằng cách điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ và các số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh này và thấy rằng các điều chỉnh là phù hợp và được thực hiện đúng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2014.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Mã số thuế chi nhánh: 14-01-795



Nguyễn Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.071.948.502.551	1.213.661.145.979
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	266.933.296.802	549.935.286.758
Tiền	111		31.033.296.802	10.935.286.758
Các khoản tương đương tiền	112		235.900.000.000	539.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	378.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	181.562.124.223	362.675.674.641
Phải thu khách hàng	131		52.605.170.394	196.955.564.355
Trả trước cho người bán	132		7.152.299.626	5.954.812.189
Phải thu nội bộ	133		22.965.485.571	15.037.391.465
Các khoản phải thu khác	135		99.696.102.483	145.584.840.483
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(856.933.851)	(856.933.851)
Hàng tồn kho	140	7	237.217.656.139	285.283.462.129
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.735.425.387	15.766.722.451
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.622.989.975	3.865.622.804
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	349.785.830
Thuế khác phải thu Nhà nước	154		446.424.033	114.162.372
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.666.011.379	11.437.151.445
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		327.553.268.185	274.397.949.141
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	27.000.000.000	27.000.000.000
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	212		27.000.000.000	27.000.000.000
Tài sản cố định	220		117.037.160.253	126.015.157.835
Tài sản cố định hữu hình	221	8	116.865.633.753	125.933.385.110
Nguyên giá	222		177.450.406.850	171.775.923.850
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.584.773.097)	(45.842.538.740)
Xây dựng cơ bản dở dang	230		171.526.500	81.772.725
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	172.400.204.279	109.369.646.102
Đầu tư vào các công ty con	251		168.400.204.279	100.229.646.102
Đầu tư dài hạn khác	258		4.000.000.000	9.140.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.115.903.653	12.013.145.204
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.085.100.550	1.432.596.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	10.030.803.103	10.580.549.093
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.399.501.770.736	1.488.059.095.120

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		584.578.685.989	811.113.580.834
Nợ ngắn hạn	310		573.059.181.957	795.476.113.126
Phải trả người bán	312	11	105.540.245.847	54.183.635.355
Người mua trả tiền trước	313	12	82.306.887.063	203.553.472.001
Thuế phải nộp Nhà nước	314	13	17.361.661.306	15.226.602.079
Phải trả người lao động	315		12.338.647.431	11.131.519.208
Chi phí phải trả	316	14	121.304.565.011	121.939.321.778
Phải trả nội bộ	317	15	172.800.000.000	224.159.568.051
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	61.400.060.593	165.274.879.948
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.114.706	7.114.706
Nợ dài hạn	330		11.519.504.032	15.637.467.708
Phải trả dài hạn khác	333	17	11.519.504.032	15.637.467.708
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		814.923.084.747	676.945.514.286
Vốn chủ sở hữu	410	18	814.923.084.747	676.945.514.286
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		944.868.793	944.868.793
Quỹ dự phòng tài chính	418		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận chưa phân phối	420		613.033.347.161	475.055.776.700
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.399.501.770.736	1.488.059.095.120

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD")	239.265	239.264

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Trần Việt Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Sỹ Nguyên
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	20	1.728.323.485.507	2.557.205.488.694
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	134.854.660.766	147.808.491.346
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	20	1.593.468.824.741	2.409.396.997.348
Giá vốn hàng bán	11		1.346.953.917.494	2.026.177.714.005
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		246.514.907.247	383.219.283.343
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	37.915.993.357	23.827.410.268
Chi phí tài chính	22		31.023.275	-
Chi phí bán hàng	24	22	70.372.393.594	58.541.399.826
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	94.752.287.836	47.642.227.902
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		119.275.195.899	300.863.065.883
Thu nhập khác	31	24	102.300.198.906	764.529.734
Chi phí khác	32	25	41.486.980.091	3.943.280.394
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		60.813.218.815	(3.178.750.660)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		180.088.414.714	297.684.315.223
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	41.561.098.263	43.675.676.657
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	26	549.745.990	(10.580.549.093)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		137.977.570.461	264.589.187.659

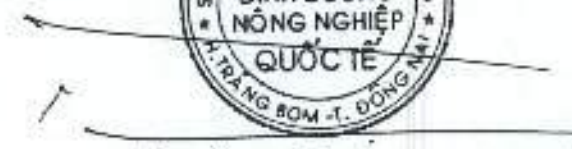
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:


 Trần Việt Hà
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Bùi Sỹ Nguyên
 Giám đốc Tài chính


 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	180.088.414.714	297.684.315.223
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	15.172.346.284	14.095.889.899
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.044.505.138)	(23.670.114.451)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	157.216.255.860	288.110.090.671
Biến động các khoản phải thu	09	128.143.847.765	47.160.136.577
Biến động hàng tồn kho	10	48.092.373.118	(63.201.055.605)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(64.043.874.426)	240.680.665.530
Biến động chi phí trả trước	12	590.128.390	6.468.790.219
		269.998.730.707	519.218.627.392
Thuế thu nhập đã nộp	14	(39.701.535.828)	(44.783.939.195)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	230.297.194.879	474.434.688.197
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(6.237.858.594)	(6.595.952.033)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	145.454.545	125.454.546
Tiền chi vào đầu tư ngắn hạn thuần	23	(378.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho các công ty khác vay	24	5.140.000.000	40.020.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	-	(4.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	30.503.802.068	23.827.410.268
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(348.948.601.981)	53.376.912.781

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(164.350.582.854)	(198.999.999.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(164.350.582.854)	(198.999.999.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(283.001.989.956)	328.811.601.230
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		549.935.286.758	221.123.685.528
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	266.933.296.802	549.935.286.758

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Trần Việt Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Sỹ Nguyễn
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mỹ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Công ty được phép thành lập Chi nhánh tại tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp (“Chi nhánh”). Các hoạt động chính của Trụ sở chính là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Trụ sở chính có 341 nhân viên (31/12/2013: 226 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp trong đó bao gồm Trụ sở chính và Chi nhánh và phát hành riêng báo cáo tài chính tổng hợp này.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm kể từ ngày giao dịch và được phân ánh theo nguyên giá.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty khác

Các khoản đầu tư được phân ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	8 - 10 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 - Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Trụ sở chính phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Trụ sở chính có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Trụ sở chính có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Trụ sở chính xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Trụ sở chính có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu

(m) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Trụ sở chính bao gồm Chi nhánh Hà Nam và các bên liên quan của Công ty. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	36.555.080	32.979.741
Tiền gửi ngân hàng	30.540.741.722	10.390.307.017
Tiền đang chuyển	456.000.000	512.000.000
Các khoản tương đương tiền	235.900.000.000	539.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	266.933.296.802	549.935.286.758

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm dao động từ 5,4% đến 6% trong năm.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu thương mại từ các công ty liên quan		
Chi nhánh Hà Nam	22.965.485.571	1.137.391.465
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế	-	39.655.970.752
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan		
Chi nhánh Hà Nam	-	13.900.000.000
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANI Vĩnh Long”)	-	11.200.000.000
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	-	18.054.558.177
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”)	84.954.716.900	75.959.716.900
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“ANCO Tiền Giang”)	6.624.354.405	28.475.750.820
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế	-	6.649.355.932
Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO	-	4.666.000.000
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh		
Chi nhánh Hà Nam	27.000.000.000	27.000.000.000

Các khoản phải thu phi thương mại phản ánh các khoản cho các công ty liên quan vay. Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu, trừ khoản vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hà Nam.

Khoản vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh Hà Nam được ghi nhận dựa trên quyết định của Ban Giám đốc Công ty để thực hiện dự án theo Giấy phép đầu tư của Chi nhánh.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Cho các bên liên quan vay	91.579.071.305	145.005.381.829
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	7.883.803.789	-
Lãi cho vay phải thu	-	471.612.500
Phải thu khác	233.227.389	107.846.154
	<hr/>	<hr/>
	99.696.102.483	145.584.840.483
	<hr/>	<hr/>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi đường	72.873.374.715	76.768.947.568
Nguyên vật liệu	130.509.167.342	177.810.965.694
Công cụ và dụng cụ	11.301.974.814	12.912.539.765
Thành phẩm	22.533.139.268	17.791.009.102
	<hr/>	<hr/>
	237.217.656.139	285.283.462.129
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	73.917.626.222	71.109.057.873	25.189.719.265	1.559.520.490	171.775.923.850
Tăng trong năm	-	723.919.000	3.701.445.455	61.204.000	4.486.568.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	520.000.000	83.000.000	1.058.536.364	-	1.661.536.364
Thanh lý	-	-	(406.636.364)	-	(406.636.364)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(56.540.000)	-	(10.445.455)	(66.985.455)
Số dư cuối năm	74.437.626.222	71.859.436.873	29.543.064.720	1.610.279.035	177.450.406.850
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.959.648.500	19.886.115.620	11.769.224.873	1.227.549.747	45.842.538.740
Khấu hao trong năm	4.804.566.000	7.109.787.823	3.076.899.233	181.093.228	15.172.346.284
Thanh lý	-	-	(389.693.600)	-	(389.693.600)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(38.041.000)	-	(2.377.327)	(40.418.327)
Số dư cuối năm	17.764.214.500	26.957.862.443	14.456.430.506	1.406.265.648	60.584.773.097
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	60.957.977.722	51.222.942.253	13.420.494.392	331.970.743	125.933.385.110
Số dư cuối năm	56.673.411.722	44.901.574.430	15.086.634.214	204.013.387	116.865.633.753

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 8.592 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 5.436 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vốn dài hạn vào (a):		
▪ Công ty con		
• ANI Vĩnh Long	100.229.646.102	100.229.646.102
• ANCO Bình Định	20.038.558.177	-
• ANCO Thái Nguyên	25.830.000.000	-
• ANCO Tiền Giang	22.302.000.000	-
▪ Công ty khác		
• Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO	4.000.000.000	4.000.000.000
Cho vay dài hạn (b):		
• Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO	-	5.140.000.000
	172.400.204.279	109.369.646.102

(a) Hoạt động chính của các đơn vị nhận đầu tư như sau:

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Vốn điều lệ triệu VND	Hoạt động chính	Vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2014	31/12/2013
<i>Công ty con</i> ANI Vĩnh Long	26/5/2006	96.000	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản, gia cầm; chế biến tôm cá, mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tấm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	100%	100%
ANCO Bình Định (*)	24/4/2012	37.800	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%
ANCO Thái Nguyên (*)	27/4/2012	25.830	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%
ANCO Tiền Giang (*)	22/4/2013	22.302	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Vốn điều lệ triệu VND	Hoạt động chính	Vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2014	31/12/2013
<i>Công ty khác</i> Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO	11/8/2010	40.000	chế biến và đóng hộp thịt, thủy sản và các sản phẩm liên quan; chế biến thủy sản đông lạnh; và thủy sản khô	10%	10%

- (*) Ngày 10 tháng 8 năm 2014, Tổng Giám đốc Công ty đã thông qua việc góp vốn vào các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định và Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang theo giấy mời của Ông Yew Kean Lai, một cổ đông sáng lập của các công ty này. Theo đó, các cổ đông sáng lập của các công ty này đã không góp vốn điều lệ trong thời gian theo quy định của Luật doanh nghiệp và sau khi thực hiện góp vốn vào các công ty này, Công ty sẽ trở thành cổ đông sáng lập của các công ty này. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của các công ty này kể từ ngày thành lập cho đến ngày ra quyết định này được tài trợ chủ yếu bằng các khoản vay với Công ty.

Các Giấy chứng nhận đầu tư số 172043000043 ngày 5 tháng 11 năm 2014 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên cấp, Giấy chứng nhận đầu tư số 352043000145 ngày 13 tháng 11 năm 2014 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp, Giấy chứng nhận đầu tư số 532043000051 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang cấp đã ghi nhận Công ty là cổ đông sáng lập và sở hữu 100% các công ty này. Các công ty này cũng chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Giám đốc Công ty cũng đã thông qua việc chuyển đổi các khoản vay thành vốn góp vào các công ty này.

- (b) Cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO vay dài hạn thể hiện khoản vay theo hợp đồng vay số 01/AF-DN ngày 31 tháng 12 năm 2011, theo đó, Trụ sở chính đồng ý cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO vay tiền theo nhu cầu bổ sung tiền mặt hàng tháng. Số tiền vay được xác định dựa trên số dư công nợ được đối chiếu và xác nhận giữa hai bên. Khoản vay hưởng lãi suất năm là 9% trong năm (2013: 9%).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả	8.302.877.498	8.234.928.937
Phải trả dài hạn khác	1.727.925.605	2.345.620.156
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.030.803.103	10.580.549.093

11. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả ANI Vĩnh Long	11.001.367.796	4.536.433.724

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và hoàn trả khi có yêu cầu.

12. Người mua trả tiền trước

Trong người mua trả tiền trước có các khoản trả tiền trước từ bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
ANI Vĩnh Long	78.683.632.605	197.886.578.103

Khoản trả tiền trước từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.791.868.746	32.469.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.866.942.332	13.007.379.897
Thuế thu nhập cá nhân	702.490.228	1.317.056.878
Các loại thuế khác	360.000	869.696.238
	17.361.661.306	15.226.602.079

14. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí chiết khấu thương mại	55.352.516.653	54.899.526.243
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	-	557.985.622
Chi phí khác	65.952.048.358	66.481.809.913
	121.304.565.011	121.939.321.778

15. Phải trả nội bộ

Phải trả nội bộ bao gồm các khoản phải trả Chi nhánh Hà Nam, chi tiết như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Thương mại	-	48.209.568.051
Phi thương mại	172.800.000.000	175.950.000.000
	172.800.000.000	224.159.568.051

Các khoản phải trả thương mại và phi thương mại không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Cổ tức phải trả	-	164.350.582.854
Phải trả ANI Vĩnh Long	59.100.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	242.040.000	695.650.000
Phải trả khác	2.058.020.593	228.647.094
	61.400.060.593	165.274.879.948

Trong các khoản phải trả ngắn hạn khác có các khoản phải trả công ty liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả phi thương mại cho ANI Vĩnh Long	59.100.000.000	-

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty liên quan phản ánh khoản vay từ công ty liên quan. Khoản phải trả cho công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

17. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản chiết khấu thương mại trích trước và phải trả trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 – đã báo cáo trước đây</i>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	631.953.972.669	833.843.710.255
<i>Sửa chữa sai sót</i>	-	-	-	(65.729.237.236)	(65.729.237.236)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 – đã điều chỉnh lại	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	566.224.735.433	768.114.473.019
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	264.589.187.659	264.589.187.659
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	254.008.638.566	254.008.638.566
<i>Sửa chữa sai sót</i>	-	-	-	10.580.549.093	10.580.549.093
Cổ tức	-	-	-	(360.000.000.000)	(360.000.000.000)
Tặng khác	-	-	-	4.241.853.608	4.241.853.608
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 – đã điều chỉnh lại	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	475.055.776.700	676.945.514.286
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	137.977.570.461	137.977.570.461
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	613.033.347.161	814.923.084.747

15/12/2014

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	% sở hữu	Số cổ phiếu	% sở hữu	Số cổ phiếu
Công ty TNHH Sam Kim	70%	14.000.000	-	-
Ông Yew Kean Lai	27,5%	5.500.000	35%	7.000.000
Ông Lee Meng Hong	2,5%	500.000	5%	1.000.000
Ông Thân Trung Tín	-	-	26%	5.200.000
Bà Tan Kim Keow	-	-	20%	4.000.000
Ông Lê Văn Hiếu	-	-	14%	2.800.000
	100%	20.000.000	100%	20.000.000

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, vốn cổ phần của Công ty cũng chính là vốn cổ phần của Trụ sở chính Đồng Nai.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.724.442.291.150	2.553.120.380.779
▪ Bán hàng nội bộ	3.881.194.357	4.085.107.915
	<hr/> 1.728.323.485.507	<hr/> 2.557.205.488.694
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	134.196.863.166	145.401.703.248
▪ Giảm giá hàng bán	-	2.137.444.702
▪ Hàng bán bị trả lại	657.797.600	269.343.396
	<hr/> 134.854.660.766	<hr/> 147.808.491.346
	<hr/> 1.593.468.824.741	<hr/> 2.409.396.997.348

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	37.915.993.357	22.301.518.601
Lãi cho vay	-	1.525.891.667
	<hr/> 37.915.993.357	<hr/> 23.827.410.268

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Chi phí bán hàng

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	33.751.172.361	30.512.672.856
Chi phí vật liệu	3.733.527.057	3.997.812.315
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	2.261.398.635	1.380.267.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.517.316.097	1.324.417.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.398.725.078	16.715.682.720
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	6.606.100.827	2.523.540.782
Chi phí khác	6.104.153.539	2.087.005.987
	<hr/>	<hr/>
	70.372.393.594	58.541.399.826

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	32.836.791.370	32.793.040.282
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	740.913.137	200.073.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.595.801.782	1.698.283.473
Chi phí thuế và phí, lệ phí	158.710.343	672.911.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.464.622.613	8.700.741.483
Chi phí khác	4.955.448.591	3.577.177.839
	<hr/>	<hr/>
	94.752.287.836	47.642.227.902

24. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu tiền từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	145.454.545	125.454.546
Tiền bồi thường nhận được	99.046.411.690	383.009.478
Thu nhập khác	3.108.332.671	256.065.710
	<hr/>	<hr/>
	102.300.198.906	764.529.734

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	16.942.764	282.750.363
Chi phí nộp phạt	34.238.764.530	2.368.817.798
Chi phí tài trợ và từ thiện	6.030.826.000	-
Chi phí khác	1.200.446.797	1.291.712.233
	41.486.980.091	3.943.280.394

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	29.085.454.433	43.675.676.657
Thuế nộp bổ sung cho các năm trước	12.475.643.830	-
	41.561.098.263	43.675.676.657
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nộp các chênh lệch tạm thời	549.745.990	(10.580.549.093)
	42.110.844.253	33.095.127.564

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	180.088.414.714	297.684.315.223
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	27.013.262.207	44.652.647.283
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn áp dụng cho các hoạt động khác	10.423.352.568	11.800.164.161
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	(9.842.366.363)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.886.213.512	659.948.740
Thu nhập không tính thuế	(14.687.627.864)	-
Ưu đãi thuế	-	(14.175.266.257)
Thuế nộp bổ sung cho các năm trước	12.475.643.830	-
	42.110.844.253	33.095.127.564

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản. Các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tuy nhiên, thuế suất ưu đãi này không áp dụng đối với phần thu nhập tăng thêm do tăng vốn đầu tư từ 6.761.736 USD lên 11.771.630 USD và tăng quy mô sản xuất từ 137.056 tấn/năm lên 500.000 tấn/năm, thu nhập từ kinh doanh chế biến thức ăn gia cầm và các khoản thu nhập khác, các thu nhập này chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

27. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Trụ sở chính phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Trụ sở chính có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Trụ sở chính sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Trụ sở chính như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Trụ sở chính. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính.

Các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Trụ sở chính. Trụ sở chính, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Trụ sở chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu các bên liên quan và tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn của Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	30.540.741.722	10.390.307.017
Tiền đang chuyển	(ii)	456.000.000	512.000.000
Các khoản tương đương tiền	(ii)	235.900.000.000	539.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(ii)	378.500.000.000	-
Phải thu khách hàng	(iii)	51.748.236.543	196.098.630.504
Phải thu nội bộ và phải thu khác	(iv)	122.661.588.054	160.622.231.948
Cho vay dài hạn		-	5.140.000.000
		819.806.566.319	911.763.169.469

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Trụ sở chính chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Trụ sở chính.

(iii) Phải thu khách hàng

Rủi ro tín dụng của Trụ sở chính chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Trụ sở chính đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này bao gồm hạn mức cứng từ 10 triệu VND đến 40 triệu VND và hạn mức mềm được tính tương đương 30% đến 40% doanh số mua hàng của tháng liền trước. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn mức này được yêu cầu phải thanh toán số dư này hoặc được sự bảo lãnh của Quản lý bán hàng vùng trong hạn mức bảo lãnh của họ trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm. Trụ sở chính nắm giữ tài sản đảm bảo từ các khách hàng là giấy chứng nhận chủ quyền nhà, đất hoặc xe có giá trị để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của một số khách hàng.

Phải thu khách hàng chưa vượt quá hạn mức tín dụng hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Trụ sở chính. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại thời điểm cuối năm có 2.133.200.252 VND phải thu khách hàng vượt quá hạn mức tín dụng nhưng không bị giảm giá (31/12/2013: 1.423.033.374 VND).

Không có biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013, khoản dự phòng phải thu khó đòi với giá trị ghi sổ là 857 triệu VND liên quan đến một khách hàng đã ngưng hoạt động từ năm 2007.

(iv) Phải thu nội bộ và phải thu khác

Phải thu nội bộ và phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản vay cấp cho Chi nhánh Hà Nam và các công ty con. Trụ sở chính có thể chịu rủi ro tín dụng nếu Chi nhánh và các công ty con không có khả năng trả nợ. Ban Giám đốc Công ty đối phó với những rủi ro này bằng cách liên tục giám sát tình hình tài chính của các bên liên quan này. Ban Giám đốc Công ty tin rằng các khoản phải thu nội bộ và phải thu khác này có chất lượng tín dụng cao.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Trụ sở chính không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Trụ sở chính là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Trụ sở chính luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Trụ sở chính.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Phải trả người bán	105.540.245.847	105.540.245.847	105.540.245.847	-
Phải trả người lao động	12.338.647.431	12.338.647.431	12.338.647.431	-
Chi phí phải trả	55.575.327.775	55.575.327.775	55.575.327.775	-
Phải trả nội bộ	172.800.000.000	172.800.000.000	172.800.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	61.400.060.593	61.400.060.593	61.400.060.593	-
Phải trả dài hạn khác	11.519.504.032	11.519.504.032	-	11.519.504.032
	419.173.785.678	419.173.785.678	407.654.281.646	11.519.504.032

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Phải trả người bán	54.183.635.355	54.183.635.355	54.183.635.355	-
Phải trả người lao động	11.131.519.208	11.131.519.208	11.131.519.208	-
Chi phí phải trả	56.210.084.542	56.210.084.542	56.210.084.542	-
Phải trả nội bộ	224.159.568.051	224.159.568.051	224.159.568.051	-
Phải trả ngắn hạn khác	165.274.879.948	165.274.879.948	165.274.879.948	-
Phải trả dài hạn khác	15.637.467.708	15.637.467.708	-	15.637.467.708
	526.597.154.812	526.597.154.812	510.959.687.104	15.637.467.708

Trụ sở chính quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Trụ sở chính hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Trụ sở chính nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trụ sở chính có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch đi mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Trụ sở chính được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Trụ sở chính có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	239.265	239.264
Phải trả người bán	(1.336.694)	(1.170.198)
	(1.097.429)	(930.934)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Trụ sở chính áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
1 USD	21.380	21.080

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Trụ sở chính sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(199.435.772)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1%)	(181.522.821)

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Trụ sở chính.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Trụ sở chính như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	235.900.000.000	539.000.000.000
Các đầu tư tài chính ngắn hạn	378.500.000.000	-
Cho vay dài hạn	-	5.140.000.000
	<u>614.400.000.000</u>	<u>544.140.000.000</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	30.540.741.722	10.390.307.017

Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất thị trường lên lợi nhuận thuần của Trụ sở chính là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	266.933.296.802	549.935.286.758
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	378.500.000.000	-
- Phải thu khách hàng	51.748.236.543	196.098.630.504
- Phải thu nội bộ	22.965.485.571	15.037.391.465
- Phải thu khác	99.696.102.483	145.584.840.483
- Cho vay dài hạn	-	5.140.000.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán	(105.540.245.847)	(54.183.635.355)
- Phải trả người lao động	(12.338.647.431)	(11.131.519.208)
- Chi phí phải trả	(55.575.327.775)	(56.210.084.542)
- Phải trả nội bộ	(172.800.000.000)	(224.159.568.051)
- Phải trả ngắn hạn khác	(61.400.060.593)	(165.274.879.948)
- Phải trả dài hạn khác	(11.519.504.032)	(15.637.467.708)

Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động kinh doanh và đầu tư

	2014 VND	2013 VND
Chuyển các khoản phải thu khác thành vốn góp/vốn kinh doanh vào các công ty con và Chi nhánh	68.170.558.177	27.000.000.000

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Trụ sở chính có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Cổ đông		
Ông Thân Trung Tín (*)		
Cho vay	-	142.237.000
Thu tiền cho vay	-	1.529.657.000
Chi nhánh Hà Nam		
Bán thành phẩm và nguyên vật liệu	106.305.955.220	135.141.497.000
Vay	67.600.000.000	-
Công ty con		
ANI Vinh Long		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	138.129.779.016	182.417.985.292
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	9.930.923.700	27.110.659.820
Vay	82.300.000.000	-
ANCO Bình Định		
Cho vay	1.984.000.000	7.225.514.627
Góp vốn	20.038.558.177	-
ANCO Tiền Giang		
Cho vay	566.164.085	28.396.790.320
Góp vốn	22.302.000.000	-
ANCO Thái Nguyên		
Cho vay	34.825.000.000	42.000.000.000
Góp vốn	25.830.000.000	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế		
Mua thành phẩm	-	220.927.784.574
Phải thu khác	-	142.237.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	18.629.605.477	5.304.009.271
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.740.000.000	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Trụ sở chính có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cam kết góp vốn vào ANCO Bình Định	17.761.441.823	-

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	4.211.098.855	4.030.665.728
Từ hai đến năm năm	15.453.062.911	15.453.062.911
Sau năm năm	115.297.210.546	119.160.476.274
	<u>134.961.372.312</u>	<u>138.644.204.913</u>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.271.440.648.433	1.889.515.037.107
Chi phí nhân công	85.214.038.335	83.158.958.332
Chi phí khấu hao	15.172.346.284	14.095.889.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.274.114.234	54.790.614.441
Chi phí khác	13.782.690.037	10.474.412.063

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

32. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã phát hiện một số sai sót kế toán liên quan đến việc ghi nhận các khoản mục trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, hàng tồn kho, vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại, phải trả người bán, chi phí phải trả, lợi nhuận chưa phân phối và lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong các báo cáo tài chính của các năm trước. Để điều chỉnh các sai sót này, các số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được điều chỉnh lại. Thêm vào đó, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh và phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	31/12/2013 VND (điều chỉnh lại)	31/12/2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Trả trước cho người bán	5.954.812.189	60.178.026.723
Phải thu nội bộ	15.037.391.465	28.137.391.465
Các khoản phải thu khác	145.584.840.483	148.169.484.551
Hàng tồn kho	285.283.462.129	208.514.514.561
Tài sản ngắn hạn khác	11.437.151.445	22.752.507.377
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	27.000.000.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.580.549.093	-
Phải trả người bán	54.183.635.355	27.824.861.284
Người mua trả tiền trước	203.553.472.001	200.156.299.778
Chi phí phải trả	121.939.321.778	71.847.552.250
Phải trả nội bộ	224.159.568.051	48.209.568.051
Phải trả ngắn hạn khác	165.274.879.948	348.435.093.208
Phải trả dài hạn khác	15.637.467.708	-
Lợi nhuận chưa phân phối	475.055.776.700	530.204.464.843



(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND (điều chỉnh lại)	2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	10.580.549.093	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc năm

Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty công bố một khoản cổ tức là 230 tỷ VND. Số tiền phải trả chưa được trích trước trong báo cáo tài chính này.

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Trần Việt Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Sỹ Nguyên
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 3.4.9.5.0

Ngày: 02-12-2016

Quyển số: 12 -SCT/BS

Văn Phòng Công Chứng Bình Thạnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lã Phi Thành

T. Đ. Đ. Đ.